

## BÀI 26

### Kết quả cẩn đạt

- Hiểu được nội dung phê phán hiện thực, tâm lòng nhân đạo của tác giả và những thành công nghệ thuật trong truyện ngắn *Sông chết mặc bay*.
- Bước đầu nắm được cách làm một bài văn lập luận giải thích.
- Vận dụng được những hiểu biết chung về cách làm bài văn giải thích vào việc giải thích một vấn đề xã hội và văn học đơn giản, gần gũi.

## VĂN BẢN

### SÔNG CHẾT MẶC BAY

Gần một giờ đêm. Trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị Hà<sup>(1)</sup> lên to quá ; khúc đê làng X.<sup>(a)</sup> thuộc phủ X.<sup>(b)</sup> xem chừng núng thế<sup>(2)</sup> lắm, hai ba đoạn đã thấm lậu<sup>(3)</sup> rồi, không khéo thì vỡ mất.

Dân phu<sup>(4)</sup> kẻ hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ, hết sức giữ gìn, kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cù<sup>(5)</sup>, bì bõm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thật là thảm.

Tuy trống đánh liên thanh, ốc thổi vô hôi<sup>(6)</sup>, tiếng người xao xác gọi nhau sang hộ<sup>(7)</sup>, nhưng xem chừng ai ai cũng mệt lử cả rồi. Áy vậy mà trên trời thời vẫn

---

(a), (b) Nguyên văn in : XXX.

mưa tầm tã trút xuống, dưới sông thời nước cứ cuồn cuộn bốc lên. Than ôi ! Sức người khó lòng địch nổi với sức trời ! Thế đê không sao cự lại được với thế nước ! Lo thay ! Nguy thay ! Khúc đê này hỏng mất.

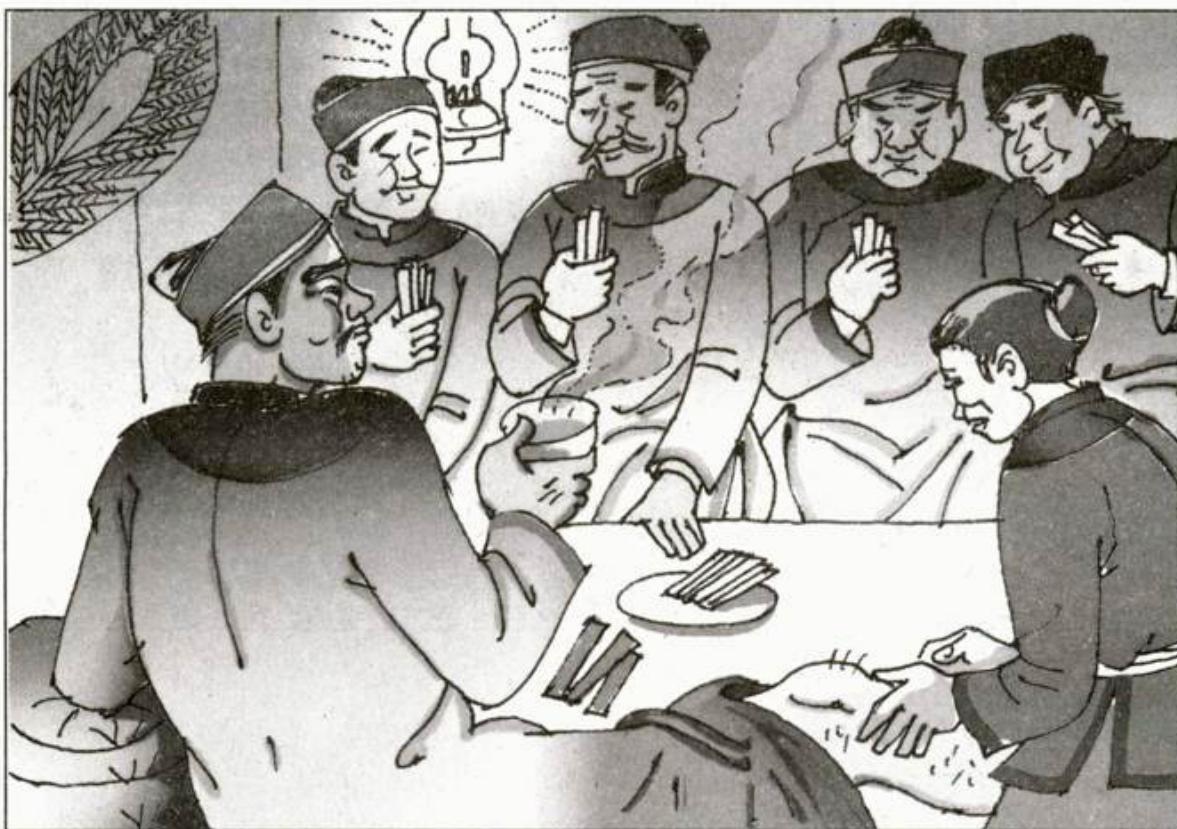


Áy, lũ con dân đang chân lấm tay bùn, trăm lo nghìn sợ, đem thân hèn yếu mà đối với sức mưa to nước lớn, để bảo thủ<sup>(8)</sup> lấy tính mạng gia tài, thế thời nào quan cha mẹ<sup>(9)</sup> ở đâu ?

Thưa rằng : Đang ở trong đình kia, cách đó chừng bốn năm trăm thước. Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vững chãi, dẫu nước to thế nữa, cũng không việc gì.

Trong đình, đèn thấp sáng trưng ; nha lỵ<sup>(10)</sup> lính tráng, kẻ hầu người hạ, đi lại rộn ràng. Trên sập<sup>(11)</sup>, mới kê ở gian giữa, có một người quan phụ mẫu<sup>(12)</sup>, uy nghi chẽm chẽm ngồi. Tay trái dựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra, để cho tên người nhà quỳ ở dưới đất mà gãi. Một tên lính lỵ<sup>(13)</sup> đứng bên, cầm cái quạt lông, chốc chốc sê phẩy. Tên nữa đứng khoanh tay, chực hầu điếu đóm. Bên cạnh ngài,

mé tay trái, bát yến<sup>(14)</sup> hấp đường phèn, để trong khay khảm<sup>(15)</sup>, khói bay nghi ngút, tráp đồi mồi chữ nhật<sup>(16)</sup> để mở, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng, cau đậu, rẽ tía<sup>(17)</sup>, hai bên nào ống thuốc bạc, nào đồng hồ vàng, nào dao chuôi ngà, nào ống vôi chạm, ngoáy tai, ví thuốc, quản bút, tăm bông<sup>(18)</sup> trông mà thích mắt. Chung quanh sập, bắc bốn ghế mây, bắt đầu từ phía hữu quan<sup>(19)</sup> thì có thầy đề, rồi lần lượt đến thầy đội nhất, thầy thông nhì<sup>(20)</sup>, sau hết giáp phía tay tả ngài, thì đến chánh tổng<sup>(21)</sup> sở tại<sup>(22)</sup> cùng ngồi hầu bài.



Ngoài kia, tuy mưa gió ầm ầm, dân phu rối rít, nhưng trong này xem chừng tinh mịch<sup>(23)</sup> nghiêm trang lấm : trừ quan phụ mẫu ra, mọi người không ai dám to tiếng. So với cái cảnh trăm họ đang vất vả lấm láp, gội gió tắm mưa, như đàn sâu lũ kiến ở trên đê, thời ở trong đình rất là nhàn nhã, đường bệ<sup>(24)</sup>, nguy nga : nào quan ngồi trên, nào nha ngồi dưới, người nhả, lính lệ khoanh tay sắp hàng, nghi vệ tôn nghiêm<sup>(25)</sup>, như thần như thánh. Thỉnh thoảng nghe tiếng quan phụ mẫu gọi : "Điếu, mày"<sup>(26)</sup> ; tiếng tên lính thưa : "Dạ" ; tiếng thầy đề hỏi : "Bẩm, bốc"<sup>(27)</sup> ; tiếng quan lớn truyền : " Ủ". Kẻ này : "Bát sách ! Ăn". Người kia : "Thất

văn<sup>(28)</sup>... Phỗng", lúc mau, lúc khoan, ung dung êm ái, khi cười, khi nói vui vẻ dịu dàng. Thật là tôn kính, xứng đáng với một vị phúc tinh<sup>(29)</sup>.

Áy đó, quan phụ mẫu cùng với nha lại<sup>(30)</sup> đương vui cuộc tổ tôm ở trong đình ấy. Ngài mà còn dở ván bài, hoặc chưa hết hội thì đâu trời long đất lở, đê vỡ dân trôi, ngài cũng thây kệ.

Ôi ! Trăm hai mươi lá bài đen đỏ, có cái ma lực<sup>(31)</sup> gì mà run rủi cho quan mê được như thế ?... Nay, này đê vỡ mặc đê, nước sông dù nguy, không bằng nước bài<sup>(32)</sup> cao thấp. Đứng trên đê mà đốc kẻ cẩm cư, người đồ đất, lầm nỗi lầm than, sao bằng ngồi trong đình, đã sẵn kẻ bốc nọc<sup>(33)</sup> người chia bài, nhiêu đương thú vi.

Than ôi ! Cứ như cái cách quan ngồi ung dung như vậy, mà hai bên tả hữu, nha lại nghiêm trang, lính hầu rầm rập, thì đố ai dám bảo rằng : gần đó có sự nguy hiểm to, sắp sinh ra một cảnh nghìn sầu muôn thảm, trừ những kẻ lòng lang dạ thú, còn ai nghĩ đến, mà chẳng động tâm, thương xót đồng bào huyết mạch<sup>(34)</sup> !...

Mặc ! Dân, chẳng dân thời chờ ! Con bài ngon há nỡ bỏ hoài ru ! Quan lớn ngồi ăn, ngồi đánh ; người hầu kẻ dạ, kẻ vâng. Sướng bao nhiêu, thích bao nhiêu ! Lúc quan hạ, bài ủ, ai ai là người chẳng ngại khen tấm tắc ! Một nước bài cao, bằng mấy mươi đê lở, ruộng ngập ! Vậy mà không hiểu thời thật là phàm<sup>(35)</sup> !

Quan lớn ù thông<sup>(36)</sup>. Người đâu cánh kẻ cuối tay, tranh nhau phô bài<sup>(37)</sup> để quan lớn rõ, rằng : "Mình vào được nhưng không dám cố ăn kìm !". Rằng : "Mình có đôi, mà không dám phỗng qua mặt !". Hèn chi mà quan chẳng ù luôn ! Quan ù, ấy là hạnh phúc !...

Khi đó, ván bài quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khẽnh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mải trông đĩa nọc, bỗng nghe ngoài xa, tiếng kêu vang trời dậy đất. Mọi người đều giật nảy mình, duy quan vẫn điềm nhiên, chỉ lăm le chực người ta bốc trúng quân mình chờ mà hạ. Vì ngài sắp ù to.

Có người khẽ nói :

– Bẩm, dễ có khi đê vỡ !

Ngài cau mặt, gắt rằng :

– Mặc kệ !

Rồi ngồi xếp bài lại, quay gối dựa sang bên tay phải, nghiêng mình bảo thầy đê lại :

– Có ăn không thì bốc chứ !

Thầy đê vội vàng :

– Dạ, bẩm, bốc.

Vừa lúc đó thì tiếng người kêu rầm rĩ, càng nghe càng lớn. Lại có tiếng ào ào như thác chảy xiết ; rồi lại có tiếng gà, chó, trâu, bò kêu vang tứ phía.

Bấy giờ ai nấy ở trong đình, đều nôn nao sợ hãi. Thốt nhiên<sup>(38)</sup> một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả chạy xông vào thở không ra lời :

– Bẩm... quan lớn... đê vỡ mất rồi !

Quan lớn đỏ mặt tía tai, quay ra quát rắng :

– Đê vỡ rồi !... Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày ! Có biết không ?... Lính đâu ? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy ? Không còn phép tắc gì nữa à ?

– Dạ, bẩm...

– Đuổi cổ nó ra !

Ngài quay mặt vào, lại hỏi thầy đê :

– Thầy bốc quân gì thế ?

– Dạ, bẩm, con chưa bốc.

– Thì bốc đi chứ !

Thầy đê tay run cầm cập, thò vào đĩa nọc, rút ra một con bài, lật ngửa, xương răng :

– Chi chi<sup>(39)</sup> !

Quan lớn vỗ tay xuống sập kêu to :

– Đây rồi !... Thế chứ lại !

Rồi ngài vội vàng xoè bài, miệng vừa cười vừa nói :

– Ủ ! Thông tôm, chi chi nảy<sup>(40)</sup> !... Điều, mày !

...

Áy, trong khi quan lớn ù ván bài to như thế, thì khắp mọi nơi miền đó, nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết ; kẻ sống không chỗ ẩn, kẻ chết không nơi chôn, lênh đênh mặt nước, chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sâu, kể sao cho xiết !

(Phạm Duy Tốn<sup>(\*)</sup>, tạp chí *Nam phong*, số 18 – 1918,  
trong *Truyện ngắn Nam phong* (tuyển),  
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989)

## Chú thích

(★) Phạm Duy Tốn (1883 – 1924) : nguyên quán làng Phượng Vũ, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội) ; sinh quán thôn Đông Thọ (nay là phố Hàng Dầu, Hà Nội), là một trong số ít người có thành tựu đầu tiên về thể loại truyện ngắn hiện đại. *Sóng chét mặc bay* được coi là tác phẩm thành công nhất của ông.

(1) *Nhị Hà* : cũng gọi là *Nhĩ Hà*, chỉ khúc sông Hồng từ phía dưới Việt Trì trở xuống Thăng Long theo hình uốn cong như vành tai (nhĩ).

(2) *Núng thế* : ở vào trạng thái không còn vững chắc, dễ đổ, dễ sụt xuống.

(3) *Thẩm lậu* : (hiện tượng chất lỏng) ngầm qua và rỉ ra chảy đi nơi khác.

(4) *Dân phu* : người dân bị bắt đi làm các việc công ích trong xã hội cũ.

(5) *Cù* : dùng những tấm ván hoặc tấm phên đan và đóng cọc đỡ để ngăn đê vỡ, nước tràn.

(6) *Liên thanh* : tiếng liên tiếp ; *ốc thối vô hối* : tiếng tù và làm bằng vỏ ốc lớn thối liên tiếp, không kể hối.

(7) *Hộ* : giúp đỡ, che chở. Ở đây là cùng nhau bảo vệ đê.

(8) *Bảo thủ* : bảo vệ (*bảo*) để giữ lấy (*thủ*). Ở đây,  *bảo thủ* không có nghĩa giữ lấy những điều lạc hậu theo nghĩa thông thường hiện nay.

(9) *Quan cha mẹ* : cũng gọi là *quan phụ mẫu*. Thời phong kiến cũng như thời Pháp thuộc có quan niệm coi quan như cha mẹ của dân (*dân chi phụ mẫu*). Ở đây dùng với ý mỉa mai.

(10) *Nha lệ* : viên chức và lính hầu ở các cửa quan ngày trước.

(11) *Sập* : đồ dùng chủ yếu để nằm, được làm bằng gỗ, mặt liền với chân, xung quanh có diềm chạm hoặc khảm để trang trí.

(12) *Quan phụ mẫu* : xem chú thích (9) (*phụ* : cha ; *mẫu* : mẹ).

(13) *Lính lệ* : lính hầu hạ quan lại ở huyện, phủ.

(14) *Yến* : yến sào, món ăn quý được chế biến từ tổ chim yến (loài chim ở biển, cùng họ với én, làm tổ bằng nước bọt (*yến* : én ; *sào* : tổ)).

(15) *Khay khảm* : khay khảm xà cừ hoặc khảm bạc (*khay* : đồ dùng để bày xếp ám chén hoặc đựng đồ vật nhỏ).

(16) *Tráp đồi mồi chữ nhật*: đồ dùng hình hộp chữ nhật nhỏ, làm bằng vỏ con đồi mồi (rùa biển).

(17) *Trầu vàng*: lá trầu vàng, ăn ngon hơn lá trầu xanh; *cau đậu*: cau khô mà hạt còn dính không rời; *rễ tía*: một thứ rễ cây có màu đỏ dùng để ăn trầu (còn gọi là *vỏ đỏ*).

(18) *Tăm bông*: tăm xỉa răng đầu có vót xơ cho đẹp (quan lại và lớp người quý phái thường dùng).

(19) *Phía hữu quan*: chỗ ngồi về phía bên phải của quan.

(20) *Đề*: viên chức đứng đầu công việc văn phòng ở huyện hoặc phủ thời phong kiến và thời thuộc Pháp; *đội nhất*: chức đội hạng nhất (người chỉ huy một đơn vị lính khoảng 10 người); *thông nhì*: thông phán hạng hai (thông phán là viên chức trung cấp làm việc ở các công sở dưới thời Pháp thuộc).

(21) *Chánh tổng*: chức vụ của người đứng đầu công việc hành chính của một tổng (gồm nhiều xã).

(22) *Sở tại*: tại chỗ.

(23) *Tĩnh mịch*: yên tĩnh.

(24) *Dường bệ*: đường hoàng, bệ vệ.

(25) *Nghi vệ tôn nghiêm*: nghi thức tôn kính, trang nghiêm.

(26) *Quan phụ mẫu gọi*: "Điều, mày!" : cách nói ra lệnh với giọng hách dịch để sai lính hầu lấy điều hút thuốc.

(27) Trong truyện này có mấy động từ dùng trong khi đánh *tài bàn* hoặc *tổ tôm*:

- *Bốc*: rút quân bài từ đĩa nọc (đĩa đựng phần còn lại của bộ bài đã chia, được đặt ở giữa chiểu bài).

- *Ăn*: lấy quân bài của người khác đánh hoặc rút ra từ đĩa nọc để hợp vào phu bài của mình.

- *Phông*: bắt được một quân bài do người khác đánh hoặc bốc từ đĩa nọc giống với hai quân bài mình có sẵn để ghép thành phu.

- *Chờ*: bài đã đủ điều kiện chỉ chờ bắt trúng một quân nữa thành phu là ú.

- *Hạ* : đặt bài xuống chiếu để xuống ù.
- *Ù* : được thăng bài sau khi đã vào phu hết.

- (28) *Bát sách, thất văn* : tên hai quân bài trong bộ bài tú tôm.  
 (29) *Phúc tinh* : ngôi sao tốt đưa lại hạnh phúc cho con người – theo quan niệm thiên văn của người xưa (*tinh* : sao, thiên thể).

(30) *Nha lại* : từ chỉ chung các công chức làm việc trong cửa quan ngày trước.

(31) *Ma lực* : sức cám dỗ, lôi cuốn mạnh mẽ, như có gì thần bí khiến người ta khó cưỡng lại.

(32) *Nước bài* : từ thường dùng trong khi đánh bài cũng như đánh cờ (nước cờ) để chỉ bước đi của quân bài có ảnh hưởng đến thế của ván bài.

(33) *Bốc nọc* : rút bài từ đĩa nọc.

(34) *Huyết mạch* : mạch máu (*huyết* : máu) ; *đồng bào huyết mạch* : đồng bào cùng chung một dòng máu.

(35) *Phàm* : thô tục, không lịch sự, không thanh nhã.

(36) *Ù thông* : đã ù lại ù tiếp.

(37) *Phô bài* : bày bài ra cho người khác xem.

(38) *Thót nhiên* : thình lình và rất nhanh.

(39) *Chi chi* : tên một con bài bốc ở đĩa nọc mà với nó, có thể ù ván bài to nhất.

(40) Trong trò chơi tú tôm có nhiều mức ù. Ù "tôm" cao hơn ù thường. Ù "chi chi này" là ù cao nhất. Ù "thông tôm, chi chi này" : ù tiếp theo, trong đó vừa có "tôm" vừa có "chi chi này" (trường hợp hiếm).

## ĐỌC – HIẾU VĂN BẢN

1. *Sóng chết mặc bay* có thể được chia làm mấy đoạn ? Mỗi đoạn nói gì ?
2. Phép tương phản (cũng gọi là *đối lập*) trong nghệ thuật là việc tạo ra những hành động, những cảnh tượng, những tính cách trái ngược nhau để qua đó làm nổi bật một ý tưởng bộ phận trong tác phẩm hoặc tư tưởng chính của tác phẩm.

Dựa vào định nghĩa trên, em hãy :

a) Chỉ ra hai mặt tương phản cơ bản trong truyện *Sóng chết mặc bay*.

b) Phân tích làm rõ từng mặt trong sự tương phản đó. (Chú ý đến các chi tiết thuộc về cảnh người dân đang hộ đê trong trạng thái nguy kịch và các chi tiết thuộc về cảnh tên quan đang cùng nha lại chơi bài trong đình với không khí tĩnh mịch, trang nghiêm.)

c) Chỉ ra qua hai mặt tương phản, hình ảnh tên quan phủ đi "hộ đê" được tác giả khắc họa như thế nào. (Chú ý đến các chi tiết thuộc về : chỗ ở, điều kiện sinh hoạt trong khi đi "đốc thúc việc hộ đê" ; cách ngồi, tư thế, giọng điệu ngôn ngữ trước bọn nha lại, chánh tổng..., đặc biệt là thái độ, cách nói khi đã có tin đê vỡ.)

d) Nêu lên dụng ý của tác giả trong việc dựng cảnh tương phản này.

3. Trong nghệ thuật văn chương còn có phép tăng cấp (lần lượt đưa thêm chi tiết và chi tiết sau phải cao hơn chi tiết trước), qua đó làm rõ thêm bản chất một sự việc, một hiện tượng muốn nói. Trong *Sóng chết mặc bay*, tác giả đã kết hợp khéo léo phép tương phản và phép tăng cấp để bộc lộ rõ nét tính cách của nhân vật.

Em hãy phân tích, chứng minh ý kiến trên bằng cách trả lời các câu hỏi sau :

a) Sự tăng cấp trong việc miêu tả mức độ của trời mưa, của độ nước sông dâng cao, của nguy cơ vỡ đê, của cảnh hộ đê vất vả, căng thẳng của người dân (trong đó có mức độ của tiếng trống đánh, ốc thổi, tiếng người gọi nhau sang hộ đê) là thế nào ?

b) Sự tăng cấp trong việc miêu tả mức độ đam mê bài bạc của tên quan phủ như thế nào ?

c\*) Hãy nhận xét về tác dụng của sự kết hợp hai nghệ thuật tương phản và tăng cấp trong việc vạch trần bản chất "lòng lang dạ thú" của tên quan phủ trước sinh mạng của người dân.

4. Hãy phát biểu chung về giá trị hiện thực, nhân đạo và nghệ thuật (ngôn ngữ, hình tượng nhân vật,...) của truyện *Sóng chết mặc bay*.

### Ghi nhớ

Bằng lời văn cụ thể, sinh động, bằng sự khéo léo trong việc vận dụng kết hợp hai phép tương phản và tăng cấp trong nghệ thuật, *Sóng chết mặc bay* đã lén ánh gay gắt tên quan phủ "lòng lang dạ thú" và bày tỏ niềm cảm thương trước cảnh "nghìn sầu muôn thảm" của nhân dân do thiên tai và cũng do thái độ vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền gây nên.

### LUYỆN TẬP

1. Những hình thức ngôn ngữ đã được vận dụng trong truyện *Sóng chết mặc bay* là gì? Hãy trả lời câu hỏi trên bằng cách đánh dấu theo bảng thống kê sau đây:

Hình thức ngôn ngữ	Có	Không
Ngôn ngữ tự sự		
Ngôn ngữ miêu tả		
Ngôn ngữ biểu cảm		
Ngôn ngữ người kể chuyện		
Ngôn ngữ nhân vật		
Ngôn ngữ độc thoại nội tâm		
Ngôn ngữ đối thoại		

- 2.\* Qua ngôn ngữ đối thoại của quan phủ, em thấy tính cách của nhân vật đó như thế nào? Hãy nêu nhận xét về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tính cách nhân vật.